***Ngày soạn: 20 / 3/ 2024***

***Ngày dạy: 2/ 4/ 2024***

**Tuần 29**

CHỦ ĐỀ 7: TRƯỜNG HỌC YÊU THƯƠNG

Bài 15. EM VẼ CHÂN DUNG BẠN (2 tiết)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

1. Phẩm chất

Bài học góp phần bồi dưỡng ở HS các phẩm chất như nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm,... thông qua một số biểu hiện cụ thể sau:

- Thể hiện sự thân thiện, hoà đồng với các bạn; yêu mến, quý trọng thầy cô; tôn trọng sự khác biệt giữa các bạn và mọi người.

- Biết chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ học tập và tích cực tham gia các hoạt động của nhóm. Không tự tiện sử dụng màu sắc, hoạ phẩm và đồ dùng của bạn khi chưa được bạn đồng ý.

- Chia sẻ chân thực suy nghĩ, cảm nhận của mình, thể hiện sự trân trọng sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật của mình, của bạn và người khác.

2. Năng lực

Bài học góp phần hình thành, phát triển các năng lực sau:

*2.1. Năng lực mĩ thuật*

- Nhận biết hình dạng, đặc điểm khuôn mặt của các bạn trong nhóm/lớp.

- Vẽ được chân dung bạn bằng nét và màu sắc sẵn có, bước đầu biết thể hiện đặc điểm chân dung của bạn ở mức độ đom giản.

- Chia sẻ được cảm nhận về bức tranh của mình, của bạn; biết trao đổi về ứng dụng của tranh chân dung vào cuộc sống.

*2.2. Năng lực chung*

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết và chuẩn bị đủ đồ dùng, vật liệu để học tập, chủ động trong hoạt động học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng bạn trao đổi, thảo luận và nhận xét đặc điểm khuôn mặt và sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sử dụng công cụ, hoạ phẩm để thực hành tạo nên sản phẩm.

*2.3. Năng lực đặc thù khác*

- Năng lực ngôn ngữ: Sừ dụng được ngôn ngữ mô tả khuôn mặt bạn và trao đổi, chia sẻ trong học tập.

- Năng lực thể chất: biểu hiện ở hoạt động tay trong các ở kĩ năng thao tác vẽ nét, hình, màu,...

**II.** **CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN**

1. Học sinh

- SGK Mĩ thuật 1, Vở thực hành Mĩ thuật 1, giấy vẽ, màu,...

- Tranh/ảnh chân dung của bạn hoặc người thân.

- Câu chuyện mô tả về khuôn mặt một người mà em ấn tượng.

2. Giáo viên

- Phương tiện, màu vẽ, giấy màu.

- Một số bức tranh chân dung rõ đặc điểm nhân vật. Lưu ý hình ảnh có yếu tố vùng miền, gần gũi với học sinh, đủ giới tính nam nữ.

- Minh hoạ giới thiệu cách vẽ một bức tranh chân dung bằng màu thông dụng với HS lớp 1. Chủ yếu là hướng HS đến các bước vẽ hợp lí nhưng tránh bị dập khuôn.

***Lưu ý:*** Hình ảnh các nhân vật có đặc điểm nổi bật, dễ nhận ra.

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC CHỦ YẾU

**1. Phưong pháp dạy học:** Quan sát, trực quan, vấn đáp, giải quyết vấn đề, hướng dẫn thực hành, gợi mở,...

**2. Kĩ thuật dạy học:** Động não, đặt câu hỏi, bể cá,...

**3. Hình thức tổ chức dạy học:** Làm việc cá nhân, làm việc nhóm.

**IV.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của HS |
| Hoạt động 1: Ổn định lớp (3 phút)GV có thể tham khảo một số hoạt động dưới đây để tạo tâm thế học tập cho HS:- Nhắc HS ổn định trật tự.- Kiểm tra sự chuẩn bị bài học của HS.- Gợi mở HS mô tả về khuôn mặt của người mà HS yêu thích. | - Ổn định trật tự, thực hiện theo yêu cầu của GV.- Tập trung chuẩn bị dụng cụ học tập. |
| Hoạt động 2: Khởi động, giới thiệu bài học (5 phút)- GV có thể tham khảo một số gợi ý sau:- Có thể đưa ra một ảnh chân dung một nhân vật quen thuộc với HS để gây sự chú ý. Ví dụ: Nhân vật hoạt hình, người nổi tiếng, thầy cô, bạn bè,... có đặc điểm dễ nhận biết và hỏi HS.- Có thế vào bài bằng cách kể về một nhân vật rất quen thuộc qua việc mô tả hình dáng, đặc điểm khuôn mặt.- Hỏi HS: Thầy/Cô vừa mô tả về ai?*Kết luận:* Mỗi người có một đặc điểm khuôn mặt riêng để chúng ta nhận diện và phân biệt với người khác. Vậy hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu chân dung mỗi người thông qua việc vẽ lại các đặc điểm riêng của bạn trong lớp. | - Lắng nghe, tương tác với GV.- Trả lời câu hỏi. |
| **Hoạt động 3: Tổ chức cho HS tìm hiểu, khám phá *Những điều mời mẻ* ( 20 phút)*****3.1. Hoạt động quan sát, nhận biết****3.1.1. Tìm hiểu hình dạng khuôn mặt người*- Giới thiệu và tổ chức cho HS quan sát một số ảnh chân dung có đặc điểm khuôn mặt và trạng thái cảm xúc khác nhau (gồm một số lứa tuổi, có thể sử dụng hình ảnh chân dung trang 66 SGK). Nếu ảnh của người trưởng thành nên lựa chọn ảnh chân dung của nhân vật có ảnh hưởng nhất định đến đời sống xã hội, truyền thống văn hoá của địa phương (nên tham khảo nội dung môn Tiếng Việt, môn Đạo đức,... lớp 1). Gợi mở HS nêu nhận xét về:+ Hình dạng khuôn mặt người trong mỗi bức ảnh.+ Nét mặt thể hiện vui hay buồn.+ Liên hệ quan sát khuôn mặt các bạn trong lớp.- GV tóm tắt nội dung HS đã thảo luận và chia sẻ.***Lưu ý:*** Mỗi người có khuôn mặt và đặc điểm riêng giúp chúng ta phân biệt được người này với người khác. *3.1.2. Tổ chức cho HS quan sát một số tranh chân dung giới thiệu trang 65, 68 trong SGK và tranh chân dung do GVchuẩn bị (nên có).*- Gợi mở nội dung cho HS thảo luận và chia sẻ:+ Bức tranh vẽ về ai?+ Kể tên một số màu sắc xuất hiện trong mỗi bức tranh?+ Trong các bức tranh sử dụng những nét vẽ cong, thẳng như thế nào?+ Kể một số hình ảnh thể hiện trong mỗi bức tranh, hình ảnh nào rõ nhất? Hình khuôn mặt trong bức tranh có gì đặc biệt?+ Cảm nhận về bức tranh: Vui hay buồn, thích hay chưa thích, màu sắc,... Vì sao?- GV tóm tắt nội dung thảo luận, chia sẻ của HS, kết hợp giới thiệu thêm một số thông tin về các bức tranh.- GV nêu vấn đề, gợi mở HS mô tả về khuôn mặt của một người mà HS thích.- GV giới thiệu thêm một số tranh chân dung do HS/thiếu nhi thể hiện cảm nhận. Lưu ý sự phong phú về hình dạng khuôn mặt và màu sắc, cách sắp xếp bố cục,...***Lưu ý:*** Tranh chân dung chủ yếu vẽ khuôn mặt người.***3.1. Hoạt động thực hành, sáng tạo và thảo luận****3.2.1. Tìm hiểu cách thực hành, sáng tạo*- GV tổ chức cho HS quan sát SGK trang 66, 67 phần Cách vẽ chân dung bạn (hoặc hình ảnh minh hoạ do GV trình chiếu). Yêu cầu HS thảo luận, nêu cách tiến hành vẽ chân dung bạn.- GV kết hợp nội dung HS chia sẻ với giới thiệu, giảng giải cách vẽ (nên thị phạm minh hoạ) và gợi mở, tương tác với HS dựa trên các bước thực hành được minh hoạ trong SGK:+ Quan sát tìm đặc điểm của khuôn mặt bạn: về hình dạng chung và đặc điểm một số bộ phận như: màu da, màu tóc, miệng, mũi, mắt, tóc, tai, trang phục,...+ Vẽ hình khuôn mặt trên giấy: Kích thước hình khuôn mặt phù họp với khổ giấy (hoặc trang vở thực hành), hình dạng khuôn mặt theo đặc điểm của khuôn mặt bạn.+ Vẽ chi tiết cho khuôn mặt: dựa trên đặc điểm: mắt, mũi, miệng,... trên khuôn mặt bạn. Có thể kết họp chú ý đến trang phục và các chi tiết khác như: vòng cổ, vòng tay, hoa tai, nơ tóc,... hoặc vẽ trang trí cho bức tranh như: vẽ hoa, vẽ bức tường, cửa sổ, con vật,... (liên hệ với tranh minh hoạ trang 68 SGK, phần Sáng tạo bức tranh chân dung.+ Vẽ màu cho bức tranh: theo ý thích về màu da, màu tóc, trang phục, màu nền xung quanh,...- GV cần kết hợp cho HS quan sát tranh minh hoạ trang 68 SGK, phần Sáng tạo bức tranh chân dung và có thể giới thiệu thêm một số hình ảnh chân dung sau:*3.2.1. Thực hành, sáng tạo*- Tổ chức HS theo nhóm học tập. Nhiệm vụ:Thực hành: Mỗi HS vẽ một bức tranh chân dung về người bạn của mình.- GV gợi mở HS có thể lựa chọn vẽ theo cặp hoặc vẽ theo trí nhớ, tưởng tượng về một người bạn.Thảo luận nhóm: Trong thực hành, HS trong nhóm cùng nhau chia sẻ, trao đổi về các nội dung như: đặc điểm và các bộ phận trên khuôn mặt; màu sắc và các chi tiết trang trí; vị trí và kích thước hình khuôn mặt; cách sử dụng màu vẽ,...Một số nội dung cần gợi mở cho HS thảo luận, GV nên cụ thể bằng hệ thống câu hỏi phù họp.***Lưu ý:*** Để HS thuận lợi trong thảo luận, trao đổi và nhận xét, góp ý cho nhau trong thực hành, GV cần căn cứ trên tiến trình và kết quả thực hành để sử dụng tình huống có vấn đề thông qua hệ thống câu hỏi một cách phù hợp, nhằm phát huy được khả năng làm việc độc lập và hợp tác ở HS.***3.1. Hoạt động trưng bày sản phẩm và cảm nhận, chia sẻ***- Tổ chức cho HS trưng bày bức tranh cần bảo đảm mọi HS đều có thể quan sát thuận lợi trong không gian lớp học. Ví dụ:+ Trưng bày trên bảng cá nhân tại nhóm học tập.+ Trưng bày theo nhóm trên bảng của lớp.- Hướng dẫn HS quan sát các bức tranh và yêu cầu HS:+ Nêu bức tranh thích nhất và chưa thích trong nhóm hoặc cả lớp. Nêu lí do.+ Chia sẻ một số thông tin về bức tranh của mình. Ví dụ: tên bức tranh, tên người bạn được vẽ trong tranh, đặc điểm về hình dạng, màu sắc,... của khuôn mặt bạn, lí do vẽ bạn,...- Tóm tắt nội dung chia sẻ của HS, nhận xét, đánh giá kết quả thực hành, thảo luận và ý thức học tập; động viên, khích lệ HS học tập. | - Lắng nghe.- Quan sát hình ảnh- Trao đổi, thảo luận với bạn cùng bàn.- Trình bày nhận xét của mình trước nhóm/lớp.- Quan sát tranh chân dung (SGK, tranh phóng to).- Trao đổi, thảo luận với bạn cùng bàn theo các câu hỏi GV nêu ra.- Trình bày nhận xét của mình trước nhóm/lớp.- Liên tưởng, mô tả về khuôn mặt của một người mà mình thích. - Quan sát tranh.- Thảo luận cách tiến hành vẽ chân dung bạn.- Lắng nghe và ghi nhớ hướng dẫn của GV.- Lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.- Tự vẽ một bức tranh chân dung về người bạn của mình.- Thảo luận theo nhóm các nội dung như:đặc điểm và các bộ phận trên khuôn mặt; màu sắc và các chi tiết trang trí; vị trí và kích thước hình khuôn mặt; cách sử dụng màu vẽ,...- Trưng bày sản phẩm theo hướng dẫn của GV.- Quan sát các bức tranh.- Nêu cảm nhận của cá nhân, nhận xét,…- Giới thiệu, chia sẻ thông tin về bức tranh của mình. |
| **Hoạt động 4: Hướng dẫn HS tìm hiểu nội dung** ***Vận dụng (5 phút)***GV chỉ dẫn HS quan sát hình ảnh các bức tranh chân dung mục *Vận dụng* và bức tranh do GV chuẩn bị (nếu có), gợi mở giúp HS nhận ra: Có thể vẽ một hoặc nhiều khuôn mặt (người thân) trong bức tranh. (Có thể mở rộng thêm cách tạo bức tranh chân dung bằng cách xé dán hoặc nặn). | - Quan sát hình ảnh.- Nhận xét. |
| Hoạt động 5: Tổng kết bài học (3 phút)- Tóm tắt nội dung chính của bài học:+ Khuôn mặt của mỗi người có đặc điểm riêng.+ Màu sắc làm cho bức tranh chân dung hấp dẫn hơn.- Đánh giá sự chuẩn bị, quá trình học tập bị của HS, liên hệ bồi dưỡng lòng nhân ái, sự tôn trọng và hoà đồng với các bạn, mọi người xung quanh. | - Lắng nghe, tương tác với GV. |
| Hoạt động 6: Hướng dẫn HS chuẩn bị bài học tiếp theo (3 phút)- GV nhắc HS:- Xem trước nội dung Bài 16.- Chuẩn bị các đồ dùng, công cụ theo yêu cầu ở mục Chuẩn bị trong Bài 16. | - Lắng nghe, ghi nhớ. |

**V. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):**

**………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**